

Số: /GP-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giấy tại lô CN04-2, Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 310/CV-WEILINAVN ngày 18/10/2024 của Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giấy tại Lô CN04-2, Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1671/TTr-STNMT ngày 25/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam, địa chỉ tại thôn Vực Phác, xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giấy tại Lô CN04-2, Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giấy tại Lô CN04-2, Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô CN04-2, Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Mã số doanh nghiệp: 2802772325 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp lần đầu ngày 23/8/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25/7/2024.

1.4. Mã số thuế: 2802772325.

1.5. Loại hình hoạt động: Sản xuất, gia công đế giày EVA.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm II theo quy định tại STT 2 Mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất sản xuất: 10.000.000 đôi đế giày EVA thành phẩm/năm. Số lượng cán bộ công nhân tối đa 1.200 người gồm 03 nhà xưởng sản xuất.

- Công nghệ sản xuất: Nguyên liệu đầu vào (Hạt nhựa EVA và phụ gia) → Máy trộn → Cán liệu → Tạo hạt và đóng gói → Ép định hình → Sấy → Cắt bavia, mài → Vệ sinh → Kiểm tra → Nhập kho → Xuất bán thị trường.

- Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án: 93.065,28 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Giày Weilina Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Giày Weilina Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép đối với các công trình

bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 10 tháng 11 năm 2024 đến ngày 10 tháng 11 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Yên Định và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam (để t/h)
- Sở Tài nguyên Môi trường (để theo dõi);
- UBND huyện Yên Định (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01 - Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh cạnh khu nhà xưởng 01: Nước thải từ nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện và rửa tay chân).
- Nguồn số 02 - Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh cạnh khu nhà xưởng 02: Nước thải từ nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện và rửa tay chân).
- Nguồn số 03 - Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh cạnh khu nhà xưởng 03: Nước thải từ nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện và rửa tay chân).

2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

- Tổng lưu lượng nước thải của nhà máy lớn nhất: 36,0 m³/ngày.đêm.

3. Dòng nước xả thải đầu nối vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN:

- 01 (một) dòng nước thải từ các nhà vệ sinh (gồm: nước thải đại tiện, tiểu tiện → đường ống HDPE, D110 → bể tự hoại và nước rửa tay chân) → Đường ống HDPE, D250 → đường ống HDPE, D350 → đường ống HDPE, D500 → Hệ thống Trạm xử lý nước thải tập trung số 4 của Cụm công nghiệp.
- Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam chịu trách nhiệm đảm bảo xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đầu vào của hệ thống Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào theo Giấy phép số 85/GP-UBND ngày 24/7/2023 đã được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam (Theo Văn bản thỏa thuận số 01/VBTT/HFN-WLNCN04-2 ngày 01/8/2024 giữa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hong Fu Việt Nam (là Chủ đầu tư, kinh doanh hạ tầng CCN thị trấn Quán Lào) và Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam).

4. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải của nhà máy là hệ thống Trạm xử lý nước thải tập trung số 4 của Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào công suất 1.000 m³/ngày.đêm (bên trong khuôn viên Nhà máy tại khu CN04-2, Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào).
- Vị trí đầu nối có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°): X=2209949(m); Y=566665(m).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Tuyến thu gom số 01 (Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh cạnh Nhà xưởng 01): Nước thải từ nhà vệ sinh (gồm: nước thải đại tiện, tiểu tiện → đường ống HDPE, D110 → bể tự hoại và nước rửa tay chân) → Đường ống HDPE, D250 → đường ống HDPE, D350 → đường ống HDPE, D500 → Hệ thống Trạm xử lý nước thải tập trung số 4 của CCN.

- Tuyến thu gom số 02 (Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh cạnh Nhà xưởng 02): Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh (gồm: nước thải đại tiện, tiểu tiện → bể tự hoại và nước rửa tay chân) → Đường ống HDPE, D250 → đường ống HDPE, D350 → đường ống HDPE, D500 → Hệ thống Trạm xử lý nước thải tập trung số 4 của CCN.

- Tuyến thu gom số 03 (Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh cạnh Nhà xưởng 03): Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh (gồm: nước thải đại tiện, tiểu tiện → bể tự hoại và nước rửa tay chân) → Đường ống HDPE, D300 → đường ống HDPE, D350 → đường ống HDPE, D500 → Hệ thống Trạm xử lý nước thải tập trung số 4 của CCN.

(Tuyến thu gom chung dẫn nước thải về hệ thống xử lý tập trung: Đường ống PVC D110, HDPE D250, HDPE D300, HDPE D350 và HDPE D500 có tổng chiều dài 678,2 m, dọc đường giao thông nội bộ, trên tuyến thu gom bố trí 45 hố gas lắng).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh: 03 bể tự hoại (thể tích 30,0 m³/bể) tại khu Nhà vệ sinh (cạnh nhà xưởng sản xuất).

- Nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được đầu nối vào hệ thống Trạm xử lý nước thải tập trung số 4 ở góc phía Đông Bắc của dự án phải đảm bảo giá trị cho phép về tiêu chuẩn nước thải đầu vào theo Giấy phép số 85/GP-UBND ngày 24/07/2023 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng: bố trí lắp đặt 01 đồng hồ đo lưu lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống đường ống HDPE D500 thu gom nước thải chung của cụm công nghiệp về Trạm xử lý nước thải tập trung số 4.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải: Không có.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 1 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại mục 2 phần A của Phụ lục này.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.5. Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ Nhà xưởng số 1;
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ Nhà xưởng số 2;
- Nguồn số 03: Bụi và khí thải phát sinh từ Nhà xưởng số 3;

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

Vị trí xả thải trong khuôn viên dự án tại Lô CN04-2, Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.

- Dòng số 01: Thoát tự nhiên từ khu Nhà xưởng số 1, toạ độ (theo hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiều 3^0) như sau: X=2210015(m); Y=566593(m).

- Dòng số 02: Thoát tự nhiên từ khu Nhà xưởng số 2, toạ độ (theo hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiều 3^0) như sau: X=2209976(m); Y=566561(m).

- Dòng số 03: Thoát cưỡng bức theo quạt hút, toạ độ (theo hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiều 3^0) như sau: X=2209981(m); Y=566508(m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng số 01 và số 02: lưu lượng không xác định;
- Dòng số 03: lưu lượng lớn nhất $48.797 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (theo công suất quạt hút).

2.3. Phương thức xả khí thải:

- Dòng số 01 và số 02: Thoát tự nhiên;
- Dòng số 03: Thoát cưỡng bức theo quạt hút.

3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Dòng số 01 và số 02: Khí thải sau xử lý phải đảm bảo chất lượng khí thải của nguồn tiếp nhận (không khí xung quanh khu vực dự án) có giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đáp ứng theo quy chuẩn QCVN 05: 2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Dòng số 03: Bụi và khí thải sau xử lý phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, $k_p=0,9$; $k_v=1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn
1	Bụi	mg/Nm ³	216
2	Metylaxetat	mg/Nm ³	610
3	Benzen Clorua	mg/Nm ³	5
4	n-Heptane	mg/Nm ³	2000
5	Methyl Cyclohexan	mg/Nm ³	2000
6	Xylen	mg/Nm ³	870

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

- Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải: Đối với dòng số 01 và dòng số 02 tiến hành lắp đặt quạt thông gió khu vực nhà xưởng sản xuất; đối với dòng số 03 tiến hành lắp đặt các chụp hút bụi và khí thải chuyên dụng để thu bụi và khí thải phát sinh tại công đoạn như: nạp liệu, phối trộn, cân liệu, vệ sinh sản phẩm (có sử dụng dung môi hữu cơ),....và cụ thể như sau:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi và khí thải phát sinh từ khu Nhà xưởng 03 → chụp hút → Đường ống thu khí thải (Ø100 – Ø600) → Cyclon → Buồng lọc bụi túi vải → Buồng xử lý khí thải (vật liệu hấp phụ bằng than hoạt tính) → ống thoát khí Ø700.

+ Công suất thiết kế: 48.797 m³/giờ

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải lọc bụi (thay thế khi rách hỏng) và Than hoạt tính.

- Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

- Quan trắc khí thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ.

- Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

+ Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

+ Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực (thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định

chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải phát sinh tại khu vực Nhà xưởng 03.

2.3. Vị trí lấy mẫu: Tương ứng với các ống thoát khí thải của các hệ thống xử lý khí thải tại khu vực Nhà xưởng 03.

2.4. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.4 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Định kỳ hàng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị xử lý bụi, khí thải và máy phát điện dự phòng theo quy định của nhà sản xuất.

3.3. Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, hệ thống biến áp, máy nén khí tại Nhà điện và khí nén 2;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động máy móc sản xuất, motor của hệ thống quạt thông gió tại Nhà xưởng 01 của nhà máy;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động máy móc sản xuất, motor của hệ thống quạt thông gió tại Nhà xưởng 02 của nhà máy;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động máy móc sản xuất, motor của hệ thống quạt thông gió tại Nhà xưởng 03 của nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tại:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Nằm trong khuôn viên dự án tại Lô CN04-2, Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam. Tọa độ đại diện vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiều 3^0 , như sau:

- Nguồn số 01: X=2209912(m); Y=566590(m).
- Nguồn số 02: X=2210031(m); Y=566571(m).
- Nguồn số 03: X=2210002(m); Y=566540(m).
- Nguồn số 04: X=2209971(m); Y=566515(m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Lắp đặt dây chuyền công nghệ sản xuất (máy móc, thiết bị, động cơ) đúng tiêu chuẩn thiết kế để hạn chế rung động và tiếng ồn: Đế móng đặt các thiết bị có tải trọng lớn xây dựng chắc chắn, lắp đặt đệm giảm sóc dưới chân các loại máy móc. Thường xuyên bảo dưỡng dây chuyền, vận hành đúng công suất thiết kế, bôi trơn dầu mỡ, tu sửa các ổ đỡ, trục máy.

1.2. Xây hàng rào bảo vệ xung quanh khu vực dự án.

1.3. Trang bị thiết bị bảo hộ giảm tiếng ồn (nút bịt tai) cho công nhân làm việc trực tiếp tại các nguồn gây ồn, đồng thời theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

1.4. Tại khu vực có độ ồn cao và thường xuyên, chủ dự án đã bố trí lao động luân phiên ca làm việc.

1.5. Sử dụng các loại máy móc mới, thiết bị hiện đại ít tiếng ồn và độ rung thấp.

1.6. Thực hiện bảo trì thường xuyên các máy móc thiết bị để máy luôn hoạt động ở tình trạng tốt nhất, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây nên.

1.7. Xây dựng nhà xưởng có kết cấu bao che vững chắc, giảm rung động gây ra tiếng ồn.

1.8. Các phương tiện vận chuyển và xe cơ giới cần tuân thủ biển báo và tốc độ khi đi vào đường nội bộ nhà máy, không bóp còi liên tục.

1.9. Định kỳ bảo dưỡng và kiểm định xe theo quy định.

1.10. Tăng cường trồng cây xanh bố trí để hạn chế sự phát tán của bụi, khí thải và tiếng ồn. Ngoài ra các công viên, vườn hoa được bố trí để hạn chế và cũng tham gia một phần trong việc điều hoà không khí.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	08 02 04	50
2	Than hoạt tính (trong thiết bị hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	1.080
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	80
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	750
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 02	964
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	1.840
7	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	450
8	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	20
Tổng khối lượng			5.234

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải rắn phát sinh từ sản xuất	65.000
2	Bụi từ quá trình xử lý khí thải	150
3	Bùn thải thông thường từ quá trình nạo vét rãnh thoát nước, bể tự hoại của dự án.	1.000
Tổng cộng		66.150

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	108,0
Tổng cộng		108,0

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa có nắp đậy.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu lưu chứa:

- Khu lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 60,0 m² thuộc tầng 1 của Nhà rác 2 tầng (Ký hiệu số 4) có diện tích 587,5 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại có nền bằng bê tông, có mái che, tường trát xung quanh. Trong ngăn có bố trí rãnh và hố thu dầu, trang thiết bị ngăn sự cố tràn dầu và chữa cháy. Khu vực để chất thải nguy hại thực hiện đóng kín, bên ngoài cửa có biển cảnh báo nguy hại.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng chứa bằng nhựa cứng dung tích 50 lít/thùng, 120 lít/thùng; các thùng gỗ kích thước 1,5m x 0,8m x 0,8m; các sọt chứa rác bằng nhựa kích thước 0,5m x 0,7m x 0,4m; thùng composite các loại; bao bì mềm PE, PP tại các khu vực nhà xưởng và trong khu vực lưu giữ.

2.2.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Khu vực nhà chứa rác công nghiệp có diện tích sàn 1.085 m² thuộc phần diện tích còn lại của tầng 1 và tầng 2 của Nhà rác 2 tầng (Ký hiệu số 4) có diện tích 587,5 m² và được ngăn cách bằng các vách ngăn chia ô chứa chất thải, được ngăn cách bằng vách ngăn.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, có mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng composite dung tích (5 – 10) lit/thùng, có nắp đậy và bánh xe; Bao bì mềm PE, PP hai lớp. Thùng nhựa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực chứa rác sinh hoạt có diện tích 30,0 m² thuộc tầng 1 của Nhà rác 2 tầng (Ký hiệu số 4) có diện tích 587,5 m² và được ngăn cách bằng vách ngăn.

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, có mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP/.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam đã hoàn thành một số các công trình bảo vệ môi trường dự án Nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giấy tại Lô CN04-2, Cụm công nghiệp thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá phê duyệt tại Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 10/6/2024. Giai đoạn tiếp theo, Công ty phải tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình cho toàn dự án, gồm:

1. Các hạng mục công trình: Hoàn thiện hạng mục công trình còn lại của giai đoạn 2 theo đúng Giấy phép xây dựng số 6955/GPXD ngày 17/9/2024 của UBND huyện Yên Định cấp.

2. Các công trình bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn 2:

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom và xử lý sơ bộ nước thải tại các khu vực nhà vệ sinh, xây dựng hoàn chỉnh khu vực xử lý nước thải sản xuất, bố trí sẵn các vị trí chờ đầu nối nước thải sau khi xử lý sơ bộ (bể tự hoại và bể xử lý nước thải sản xuất) vào hệ thống thu gom nước thải về Hệ thống Trạm xử lý nước thải tập trung số 4 của cụm công nghiệp; xây dựng hoàn chỉnh nhà chứa rác.

- Bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo quy định trên tổng diện tích khu đất của Dự án.

3. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng các hạng mục còn lại của Dự án, cụ thể như sau:

- Đối với thu gom và xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh trên công trường tại các nhà vệ sinh di động được nhà thầu thi công định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định; tuyệt đối không xả thẳng ra ngoài môi trường. Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước thải từ hoạt động rửa phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường được thu gom và xử lý bằng phương pháp hố lắng, tách cặn sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa của dự án hiện hữu. Bùn đất, cát tại hố lắng được đào đắp ngay tại công trường. Quy trình thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện: Nước thải → Hố lắng/tách cặn → Hệ thống thoát nước mưa của dự án hiện hữu.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công của Dự án chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

- Đối với xử lý bụi, khí thải:

+ Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bố trí kho, bãi nguyên vật liệu.

+ Lập hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực công trường thi công; chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại cổng ra vào công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

+ Tưới nước tạo độ ẩm tại những khu vực phát sinh nhiều bụi với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05: 2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

+ Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát rơi vãi trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công và tận dụng vào quá trình san nền tại khu vực dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên phục vụ Dự án được thu gom vào các thùng rác có nắp đậy, sau đó chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Bố trí các thiết bị chuyên dụng tại khu vực công trường thi công xây dựng để chứa chất thải nguy hại, có nắp đậy và dán nhãn, nhà thầu thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nhiễu tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công: Chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; bố trí nhân sự tại các chốt để điều tiết giao thông trong phạm vi của dự án; yêu cầu các phương tiện phải tắt máy khi dừng đỗ trong phạm vi của dự án.

4. Các biện pháp khác trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Dự án, cụ thể như sau:

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông trong giai đoạn thi công: Xây dựng phương án tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông công cộng trong quá trình thi công, dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép;

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

5. Sau khi đã hoàn thành hạng mục công trình của Dự án và các hạng mục công trình có phát sinh chất thải, Công ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam có trách nhiệm tiếp tục lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Kiểm soát các thông số ô nhiễm bụi, khí thải, bảo đảm khí thải sau xử lý đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT đối với chỉ tiêu bụi và QCVN 20: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

5. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý cục bộ đáp ứng tiêu chuẩn nước thải đầu vào theo Giấy phép số 85/GP-UBND ngày 24/07/2023 của UBND tỉnh Thanh Hoá.

6. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong khí thải bảo chất lượng khí thải của nguồn tiếp nhận (không khí xung quanh khu vực dự án) có giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đáp ứng theo quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

7. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo xin giấy phép môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.